

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **25/6/2020**

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bé Em

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **chị Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp D, xã S, thành phố BT, tỉnh BT (có mặt)

2. Bị đơn: **anh Huỳnh Văn L**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp D, xã S, thành phố BT, tỉnh BT (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị S trình bày:

Chị và anh L kết hôn vào năm 1991, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố BT, tỉnh BT. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến 2005 thì mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân là do đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau. Anh chị ly thân từ năm 2005 đến nay. Hai bên có bàn bạc tìm hướng giải quyết nhưng không được. Tình cảm của chị đối với anh hiện không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Dương T, sinh ngày 10/01/1992 và Huỳnh Nguyễn Việt Tr, sinh ngày 24/10/1996. Cả hai đã trưởng

thành.

Tài sản chung: chị S khai không có

Nợ chung: chị S khai không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời anh L đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 02/3/2020 chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn xin ly hôn với anh Huỳnh Văn L, hai anh chị đang cư trú tại thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh L không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh L để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L là phù hợp.

[3] Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Huỳnh Văn L kết hôn năm 1991, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố BT, tỉnh BT. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Hiện tình cảm của chị đối với anh L không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn. Anh L không đến Tòa và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Dương T, sinh ngày 10/01/1992 và Huỳnh Nguyễn Việt Tr, sinh ngày 24/10/1996. Cả hai đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: chị S khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị S phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55; 57; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc S, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân:* chị **Nguyễn Thị Ngọc S** được ly hôn với **Huỳnh Văn L**

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Dương T, sinh ngày 10/01/1992 và Huỳnh Nguyễn Việt Tr, sinh ngày 24/10/1996. Cả hai đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung:* chị S khai không có nên không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung:* chị S khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc S phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008905 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã S, thành phố BT, tỉnh BT;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

